

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1904/LĐTBXH-LĐTL
V/v Báo cáo tình hình tiền lương năm 2016
và kế hoạch thưởng tết năm 2017

Ninh Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thực hiện Công văn số 4577/LĐTBXH-LĐTL ngày 16/11/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc báo cáo nhanh tình hình tiền lương năm 2016 và kế hoạch thưởng Tết năm 2017 của các doanh nghiệp.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Ninh Bình tổng hợp, báo cáo tình hình tiền lương năm 2016 và kế hoạch thưởng Tết dương lịch, Tết âm lịch năm 2017 của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

Hiện nay tỉnh Ninh Bình có 2.628 doanh nghiệp đang hoạt động với tổng số lao động 145.000 người, trong đó: 18 doanh nghiệp nhà nước; 18 doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp nhà nước; 44 doanh nghiệp FDI; 2.548 doanh nghiệp dân doanh. Qua khảo sát và báo cáo của các doanh nghiệp thì không có doanh nghiệp nào nợ lương và trả lương cho người lao động thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do chính phủ quy định.

1. Tiền lương năm 2016:

- Bình quân là: 5.820.000 đồng/người/tháng.
- Cao nhất là: 30.050.000 đồng/người/tháng thuộc về người lao động trong Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.
- Thấp nhất là: 2.200.000 đồng/người/tháng thuộc về người lao động trong doanh nghiệp dân doanh.

2. Tiền thưởng Tết dương lịch năm 2017:

- Bình quân là: 1.342.000 đồng/người.
- Cao nhất là: 17.000.000 đồng/người thuộc về người lao động trong doanh nghiệp FDI.
- Thấp nhất là: 50.000 đồng/người thuộc về người lao động trong doanh nghiệp dân doanh.

3. Tiền thưởng Tết nguyên đán Đinh Dậu 2017:

- Bình quân là: 3.419.000 đồng/người.
- Cao nhất là: 32.100.000 đồng/người thuộc về người lao động trong doanh nghiệp dân doanh.

- Thấp nhất là: 100.000 đồng/người thuộc về người lao động trong doanh nghiệp FDI.

(Có biểu tổng hợp kèm theo)

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh Ninh Bình;
- GD, PGD Sở phụ trách;
- Cổng thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, LĐTL&BHXH.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Doanh

BIỂU TỔNG HỢP

Tình hình tiền lương năm 2016 và kế hoạch thưởng Tết dương lịch, âm lịch năm 2017 ở các doanh nghiệp

TT	Chi tiêu	Loại DN	Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp NN	Doanh nghiệp dân doanh	Doanh nghiệp FDI
1	Chung					
-	Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình		18	18	2.548	44
-	Tổng số người lao động của các doanh nghiệp		5.692	3.986	91.048	44.274
2	Tiền lương năm 2016					
-	Tổng số doanh nghiệp báo cáo		9	3	16	10
-	Tổng số lao động của các DN báo cáo (người)		3.174	1.841	4.941	17.488
-	Tiền lương bình quân (1.000đ/người/tháng)		7.510	6.743	4.652	4.376
-	Tiền lương cao nhất được trả cho người lao động (1.000đ/người/tháng)		25.100	30.050	21.000	17.000
-	Tiền lương thấp nhất được trả cho người lao động (1.000đ/người/tháng)		2.832	3.100	2.200	2.700
3	Tiền thưởng Tết dương lịch năm 2016 (1.000đ/người/tháng)					
-	Tổng số doanh nghiệp có kế hoạch thưởng		7	3	14	4
-	Tổng số lao động của các DN có kế hoạch thưởng (người)		2.997	1.841	4.873	9.196
-	Mức thưởng bình quân (1.000đ/người/tháng)		1.214	467	930	2.756
-	Mức thưởng cao nhất được trả cho người lao động (1.000đ/người/tháng)		3.155	1.000	7.000	17.000
-	Mức thưởng thấp nhất được trả cho người lao động (1.000đ/người/tháng)		200	200	50	100
4	Tiền thưởng Tết âm lịch năm 2017 (1.000đ/người/tháng)					
-	Tổng số doanh nghiệp có kế hoạch thưởng		7	3	15	9
-	Tổng số lao động của các DN có kế hoạch thưởng (người)		2.997	1.841	4.920	15.978
-	Mức thưởng bình quân (1.000đ/người/tháng)		2.913	3.188	4.144	3.433
-	Mức thưởng cao nhất được trả cho người lao động (1.000đ/người/tháng)		5.000	3.600	32.100	17.000
-	Mức thưởng thấp nhất được trả cho người lao động (1.000đ/người/tháng)		500	300	500	100

Ngày tháng năm 2016

Người lập biểu

Phùng Thị Thu Thảo

Thủ trưởng đơn vị



PHẠM QUỐC DOANH
K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Each year the number of students in the school is increasing.

Year	Number of Students	Number of Teachers	Number of Classrooms
1954	120	10	10
1955	150	12	12
1956	180	15	15
1957	210	18	18
1958	240	20	20
1959	270	22	22
1960	300	25	25
1961	330	28	28
1962	360	30	30
1963	390	32	32
1964	420	35	35
1965	450	38	38
1966	480	40	40
1967	510	42	42
1968	540	45	45
1969	570	48	48
1970	600	50	50
1971	630	52	52
1972	660	55	55
1973	690	58	58
1974	720	60	60
1975	750	62	62
1976	780	65	65
1977	810	68	68
1978	840	70	70
1979	870	72	72
1980	900	75	75
1981	930	78	78
1982	960	80	80
1983	990	82	82
1984	1020	85	85
1985	1050	88	88
1986	1080	90	90
1987	1110	92	92
1988	1140	95	95
1989	1170	98	98
1990	1200	100	100